

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: **343/2026/DS-PT**

Ngày: 07 – 7 – 2026

V/v: *Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ
thanh toán*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Thông Kbuôr

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Duy Thuán, ông Lê Ngọc Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh Chi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Linh Byă - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 79/2026/TLPT-DS ngày 19/3/2026 về việc “*Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 211/2025/DS-ST ngày 30/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đắk Lắk bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 254/2026/QĐXX-PT ngày 12/5/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 319/2026/QĐ-HPT ngày 09/3/2026, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Trần Duy T, sinh năm 1992 (vắng mặt); Địa chỉ: Thôn B, phường B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông T: Bà Lưu Thị Thúy K, sinh năm 2002 (có mặt); Địa chỉ: Số H H, phường B, tỉnh Đắk Lắk.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông T: Ông Đào Ngọc M, sinh năm 1988 (vắng mặt); Địa chỉ: Số H H, phường B, tỉnh Đắk Lắk.

*** Bị đơn:** Ông Đậu Quang K1 (có mặt); Địa chỉ: Số B N, phường T, tỉnh Đắk Lắk.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1987 (có mặt); Địa chỉ: Số B N, phường T, tỉnh Đắk Lắk.

*** Người kháng cáo:** Bà Lưu Thị Thúy K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn thống nhất trình bày:***

Ông T và ông Đậu Quang K1 có mối quan hệ quen biết và cùng nhau góp vốn đầu tư làm vườn ươm cây giống, vườn ươm có địa chỉ tại thôn A, xã C, thành phố B (nay là phường B), tỉnh Đắk Lắk. Tổng số tiền góp vốn là 418.000.000 đồng, trong đó ông T góp 209.000.000 đồng. Việc góp vốn chỉ thỏa thuận giữa ông T và ông K1, không liên quan tới ai khác. Việc thỏa thuận vốn góp cũng chỉ thỏa thuận miệng không lập thành văn bản.

Do quá trình hợp tác làm vườn ươm xảy ra mâu thuẫn và vì một số lý do khác nên ông T đã thỏa thuận với ông K1 về việc rút lại vốn góp mà ông T đã góp, ông K1 đồng ý mua lại phần vốn góp của ông T. Đồng thời cam kết thanh toán đủ số tiền là 209.000.000 đồng (việc thỏa thuận chỉ thỏa thuận miệng, không lập thành văn bản) làm 02 lần như sau:

Lần 01: Ngày 03/6/2025 ông K1 sẽ thanh toán trước 100.000.000 đồng

Lần 02: 04/7/2025 ông K1 sẽ thanh toán số tiền còn lại là 109.000.000 đồng. Tuy nhiên, ngày 20/5/2025 ông K1 đã chuyển khoản thanh toán trước số tiền 103.000.000 đồng, bao gồm 100.000.000 đồng tiền vốn góp và 3.000.000 đồng là tiền ông T mua máy bơm để phục vụ cho vườn ươm.

Ông K1 hứa thanh toán số tiền 109.000.000 đồng còn lại cho ông T vào ngày 04/7/2025 nhưng đã quá hạn cam kết nhưng ông K1 không thanh toán và từ chối thanh toán do làm ăn thua lỗ.

Nay ông T khởi kiện yêu cầu cá nhân ông K1 có nghĩa vụ trả lại

**** Bị đơn ông Đậu Quang K1 trình bày:***

Do mối quan hệ quen biết nên tôi và ông Trần Duy T có cùng nhau góp vốn đầu tư làm vườn ươm cây giống (cụ thể là tiêu và cà phê) tại địa chỉ thôn A, xã C, thành phố B (nay là phường B), tỉnh Đắk Lắk. Tổng số tiền ông T đã góp vốn là 209.000.000 đồng, mục đích để mua tiêu giống và cà giống. Hai bên không lập văn bản thỏa thuận nào về việc góp vốn mà chỉ thỏa thuận miệng. Việc góp vốn chỉ có tôi và ông T không liên quan tới ai khác.

Trong quá trình cùng nhau làm vườn ươm ông T có đề nghị rút vốn góp, thời điểm đó vườn tiêu giống đang có dấu hiệu chết. Tôi không đồng ý cho ông T rút hết mà chỉ đồng ý thanh toán đối với phần cà phê và phần tiêu đã cắt đợt đầu. Tôi đã chuyển cho ông T số tiền 100.000.000 đồng và 3.000.000 đồng mua lại của ông T cái máy bơm vào ngày 20/5/2025. Ngoài ra, tôi không đồng ý thanh toán hết số vốn đã góp như ông T trình bày, thời điểm đó tôi cũng chỉ cho ông T thấy việc tiêu bị chết, ông T cũng xác định nếu tiêu chết thì ông T sẽ bù khoản này.

Khi ông T rút vốn góp các bên không lập văn bản thỏa thuận gì. Tất cả đều là thỏa thuận miệng. Tôi có chụp hình tiêu chết gửi cho ông T biết sự việc, ông T có xuống xem. Đối với chứng cứ là bản ghi sổ tiền không thể hiện nội dung tôi đồng ý trả tiền vốn góp.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị tôi trả lại số tiền 109.000.000 đồng thì tôi không đồng ý.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị L trình bày:***

Tôi là vợ của ông Đậu Quang K1, quá trình làm vườn ươm ông T có góp vốn và giao dịch với chồng tôi, việc thỏa thuận góp vốn giữa ông T và ông K1 không liên quan gì tới tôi. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tôi đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

**** Bản án dân sự sơ thẩm số 211/2025/DS-ST ngày 30/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đắk Lắk đã quyết định:***

Căn cứ vào Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 119 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Duy T về việc buộc ông Đậu Quang K1 có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trần Duy T số tiền 109.000.000 đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn giải quyết về án phí và tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/01/2026, bà Lưu Thị Thúy K là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Duy T kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**** Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa:***

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bà Lưu Thị Thúy K; giữ

nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 211/2025/DS-ST ngày 30/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm tra chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn đã được nộp trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí nên xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm là phù hợp quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện và đơn kháng cáo, các đương sự không tự hòa giải được với nhau về việc giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của bà Lưu Thị Thúy K, thì thấy:

[2.1] Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, các đương sự đều thống nhất xác nhận giữa ông Trần Duy T và ông Đậu Quang K1 có thỏa thuận góp vốn đầu tư vườn ươm cây giống, tổng số tiền góp vốn là 418.000.000 đồng, mỗi bên góp 209.000.000 đồng. Việc góp vốn được các bên thỏa thuận bằng miệng, không lập thành văn bản; đồng thời các bên cũng không có thỏa thuận bằng văn bản hoặc tài liệu nào khác thể hiện việc phân chia lợi nhuận, phân chia rủi ro hoặc xử lý phần vốn góp khi một bên chấm dứt việc hợp tác.

Nguyên đơn cho rằng sau khi phát sinh mâu thuẫn, các bên đã thỏa thuận việc ông K1 mua lại phần vốn góp của ông T với số tiền 209.000.000 đồng và cam kết thanh toán thành hai đợt, trong đó đã thanh toán 100.000.000 đồng, còn nợ lại 109.000.000 đồng. Tuy nhiên, ngoài lời trình bày của mình, nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh giữa các bên đã phát sinh thỏa thuận mua lại phần vốn góp hoặc thỏa thuận về thời hạn thanh toán số tiền 109.000.000 đồng như đã trình bày. Trong khi đó, bị đơn không thừa nhận nội dung này và cho rằng khoản tiền 100.000.000 đồng đã thanh toán là giá trị cây giống đã bán được trong quá trình hợp tác đầu tư.

Theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đương sự đưa ra yêu cầu thì phải có nghĩa vụ chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp. Do nguyên đơn không xuất trình được chứng cứ chứng minh việc bị đơn đã đồng ý mua lại toàn bộ phần vốn góp cũng như cam kết thanh toán số tiền còn lại là

109.000.000 đồng nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chưa đủ căn cứ chấp nhận là có cơ sở.

[2.2] Đối với nội dung kháng cáo cho rằng việc bị đơn đã chuyển khoản thanh toán số tiền 103.000.000 đồng, trong đó có 100.000.000 đồng tiền vốn góp, là căn cứ xác định bị đơn đã thừa nhận nghĩa vụ thanh toán đối với toàn bộ số tiền còn lại, Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên đơn cho rằng đây là khoản tiền thực hiện nghĩa vụ hoàn trả vốn góp, trong khi bị đơn xác định đây là khoản tiền trả cho phần cà phê và phần tiêu đã cắt đợt đầu. Ngoài lời khai của nguyên đơn thì không có tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh khoản tiền 100.000.000 đồng là tiền thanh toán theo thỏa thuận mua lại phần vốn góp. Vì vậy, chưa có cơ sở để xác định bị đơn đã trả lại một phần vốn góp cho nguyên đơn.

[2.3] Đối với nội dung kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá không đúng tình tiết cây giống bị chết, Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn cung cấp các hình ảnh, thông tin thể hiện việc cây giống bị thiệt hại và nguyên đơn cũng thừa nhận đã được bị đơn thông báo về sự việc này. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của ông T cũng xác định nguyên đơn có trực tiếp xuống vườn và thấy tiêu đã chết hàng loạt. Đây là tình tiết được các bên thừa nhận nên thuộc trường hợp không phải chứng minh, được quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của bà Lưu Thị Thúy K là không có căn cứ để chấp nhận mà cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền không được chấp nhận nên nguyên đơn ông Trần Duy T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự:

- Không chấp nhận kháng cáo của bà Lưu Thị Thúy K là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Duy T.
- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 211/2025/DS-ST ngày 30/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đắk Lắk.

Tuyên xử:

- Áp dụng Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 92; Điều 144; Điều 147; Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 119 Bộ luật Dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Duy T về việc buộc ông Đậu Quang K1 có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trần Duy T số tiền 109.000.000 đồng (một trăm lẻ chín triệu đồng).

[2] Về án phí: Nguyên đơn ông Trần Duy T phải chịu 5.450.000 đồng (năm triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào tổng số tiền 3.025.000 đồng (ba triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại các biên lai thu số 0002932 ngày 21/10/2025 và biên lai thu số 0000550 ngày 15/01/2026 (do ông Bùi Thanh T1 nộp thay bà Lưu Thị Thúy K) của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk. Như vậy, ông T còn phải nộp 2.725.000 đồng (hai triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- TAND khu vực 1 – Đắk Lắk;
- VKND khu vực 1 – Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 1 – Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Y Thông Kbuôr